TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:29/2025/DSST
Ngày: 13-8-2025
V/v:"*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán*- chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Hà Văn Trường
Ông Nguyễn Văn Hải

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa: Ông Khuất Cao Hoàng - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tham gia phiên Tòa: Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án Dân sự thụ lý số 146/2025/DSST ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐST-XX ngày 09 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên Tòa ngày 28 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1982

Địa chỉ: 1/61 Trần Bình Trọng, phường 8, thành phố Vũng Tàu(nay là phường Tam Thắng Thành phố Hồ Chí Minh);

**Bị đơn:* Ông Trần Minh T, sinh năm 1975

Địa chỉ: 279 Lê Quang Định, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu(nay là phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25-02-2025 và qua quá trình làm việc nguyên đơn bà H trình bày:

Do nguyên đơn bà Hiên và bị đơn ông T tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng VPBANK Chi nhánh Vũng Tàu.

Trong quá trình công tác và làm việc cùng nhau, bà Hiên tin tưởng và quý trọng ông T. Do là đồng nghiệp cũ nên khi ông T hỏi vay tiền bà H tin tưởng cho ông Tuấn vay nhiều lần và ông Tuấn vẫn thanh toán cho tôi đúng hạn. Riêng khoản ông T vay ngày 3/8/2022 nguyên đơn bà Hển qua tài khoản của ông T tại Vpbank chi nhánh Vũng Tàu với giao dịch FT22215293496225 số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng chẵn). Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 7%/ 1 năm.

Nhiều lần bà Hiên đòi nợ ông T khất nợ. Bà H đã làm đơn khởi kiện ông Tuấn ra Tòa án nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa đã thụ lý vụ án ngày 18/3/2025.

Khi ông T nghe bà H khởi kiện thì ngày 10/3/2025 ông T trả được 50.000.000đ(năm mươi triệu đồng);

Ngày 02/4/2025 trả thêm được 10.000.000đ(mười triệu đồng);

Ngày 09/4/2025 trả thêm được 10.000.000đ(mười triệu đồng);

Ngày 19/4/2025 trả thêm được 10.000.000đ(mười triệu đồng);

Ngày 30/7/2025 trả thêm được 10.000.000đ(mười triệu đồng);

Tổng cộng ông T đã trả cho bà H là 90.000.000đ(chín mươi triệu đồng)

Nay nguyên đơn bà H khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết:

+ Buộc bị đơn ông Trần Minh T trả toàn bộ số tiền gốc là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) ;

+ Buộc ông Trần Minh T phải trả số tiền lãi suất của số tiền nợ gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), lãi suất 7% năm từ ngày 03/08/2022 đến 12/08/2025 với số tiền lãi là 40.034.247đ (bốn mươi triệu không trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng) cho nguyên đơn bà H.

Bị đơn ông Trần Minh T được Tòa án nhiều lần yêu cầu tới Tòa án giải quyết vụ tranh chấp nhưng ông T vắng mặt không lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

[1]Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng trong giai đoạn sơ thẩm nhưng việc thụ lý vụ án, tống đạt các văn bản tố tụng và thời hạn Tòa án giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên Tòa sơ thẩm là đúng theo quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích H buộc bị đơn ông Trần Minh T trả số nợ gốc còn lại là 110.000.000đ(một trăm mười triệu đồng) và tiền lãi là 7%/ năm được tính từ ngày từ ngày 03/08/2022 đến 12/08/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Năm 2022 nguyên đơn bà Trần Thị Bích Hiên cho ông Trần Minh Tuấn vay tiền mục đích để chi dùng cá nhân nay xảy ra tranh chấp xác định đây là vụ án Dân sự " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

[1.1] Bị đơn ông Trần Minh T cư trú tại phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu(nay là phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh) do đó vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 28-7-2025, Tòa án nhân dân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử bị đơn ông Trần Minh Tuấn vắng mặt; nay ông Tuấn vắng mặt đến lần thứ hai không lý do không vì trở ngại khách quan; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Minh T.

[1.2] Nguyên đơn bà Trần Thị Bích H có đơn xin giải quyết vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị Bích H.

[2]Về nội dung: Năm 2022 nguyên đơn bà Trần Thị Bích H cho bị đơn ông Trần Minh T vay số tiền là 200.000.000đ(hai trăm đồng); thỏa thuận lãi suất là 7%/ năm; thời hạn vay là 01 tháng. Quá trình vay bị đơn ông T không trả nợ theo thỏa thuận.

Nguyên đơn bà H đòi nhiều lần bị đơn ông T không trả số nợ nên khởi kiện bị đơn ra Tòa án nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh và đã được thụ lý vụ án ngày 18/3/2025.

Quá trình tố tụng Tòa án triệu tập bị đơn ông Tuấn tới Tòa để giải quyết tranh chấp ông T nhiều lần vắng mặt không lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Khi bà Hi khởi kiện thì:

Ngày 10/3/2025 ông T trả được 50.000.000đ(năm mươi triệu đồng); ngày 02/4/2025 trả thêm được 10.000.000đ (mười triệu đồng); ngày 09/4/2025 trả thêm được 10.000.000đ (mười triệu đồng);ngày 19/4/2025 trả thêm được 10.000.000đ(mười triệu đồng) và đến ngày 30/7/2025 trả thêm được 10.000.000đ(mười triệu đồng);

Tổng cộng ông Tuđã trả cho bà Hiên là 90.000.000đ(chín mươi triệu đồng) số nợ còn lại đây có thể xem giữa nguyên đơn và bị đơn đã thừa nhận số nợ căn cứ theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nhận định đây là tình tiết không phải chứng minh.

[3] Về chứng cứ:

- Tài liệu,chứng cứ nguyên đơn giao nộp:

+ Tài liệu sổ phụ và ác ủy nhiệm chi và các tin nhắn(bút lục từ số 11 đến số 17).

-Chứng cứ bị đơn giao nộp không.

[3.1] Hội đồng xét xử đánh giá chứng cứ: Đối với chứng cứ của nguyên đơn giao nộp thể hiện số tiền 200.000.000đ(hai trăm triệu đồng) nguyên đơn cho bị

đơn ông Tuấn vay là có căn cứ. Thể hiện khi nguyên đơn thông báo khởi kiện bị đơn ông T ra Tòa án; bị đơn ông T đã trả nguyên đơn bà H 90.000.000đ(chín mươi triệu triệu đồng) là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy đối với việc yêu cầu bị đơn trả số nợ trả nợ còn lại 110.000.000đ(một trăm mười mươi triệu đồng) và tiền lãi 7%/ năm. Từ 03/8/2023 đến ngày 10/3/2025 trên số nợ gốc là 200.000.000đ và từ ngày 11/03/2025 đến ngày 024/2025 trên số nợ gốc là 150.000.000đ; từ ngày 03/4/2025 đến 09/4/2025 trên số nợ gốc là 140.000.000đ; từ ngày 10/4/2025 đến ngày 19/4/2025 trên số nợ gốc là 130.000.000; từ ngày 20/4/2025 đến ngày 30/7/2025 trên số nợ gốc là 120.000.000đ và từ ngày 31/7/2025 đến ngày 12/8/2025 trên số nợ gốc là 110.000.000đ.

Tổng số tiền lãi là 40.034.247đ(bốn mươi triệu không trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn ông T đã vi phạm thời hạn trả nay nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận trên số dư nợ gốc là có lợi cho bị đơn ông Trần Minh T phải trả nợ lãi là có căn cứ chấp nhận.

Buộc bị đơn ông Trần Minh T phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn bà Trần Thị Bích H là 110.000.000đ + 40.034.247đ = 150.034.247đ(một trăm năm mươi triệu không trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận do đó bị đơn ông Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Cách tính án phí: (Từ 6 triệu đến 400 triệu đồng phải chịu 5% giá trị tài sản tranh chấp).

[6]Về án phí DSST:

[6.1] Bị đơn ông Trần Minh T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 7.501.712đ(bảy triệu năm trăm lẻ một ngàn bảy trăm mười hai đồng).

[6.2]Nguyên đơn bà Trần Thị Bích H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 5.800.000đ(Năm triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000119 ngày 14-3-2025 Của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 92 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 13.

Tuyên xử: Chấp chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Bích H đối với bị đơn ông Trần Minh T.

[1] Buộc bị đơn ông Trần Minh T phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi cho nguyên đơn bà Trần Thị Bích H là 150.034.247đ (một trăm năm mươi triệu không trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng) trong đó:

+ Nợ gốc là: 110.000.000đ(một trăm mười triệu đồng).

+ Nợ lãi: 40.034.247đ(bốn mươi triệu không trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí DSST:

[2.1] Bị đơn ông Trần Minh T phải chịu 7.501.712đ(bảy triệu năm trăm lẻ một ngàn bảy trăm mười hai đồng).

[2.2] Nguyên đơn bà Trần Thị Bích H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 5.800.000đ(Năm triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000119 ngày 14-3-2025 Của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh).

[3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án ND Thành phố Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát ND khu vực 11, Tp HCMT
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11, Tp HCM
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Hồng Phúc